

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/DS - ST

Ngày: 05 – 5 - 2026

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lại Thị Thoa và bà H’ Win Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2025/TLST- DS, ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST – DS ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Vào ngày 15/10/2022 Âm lịch (Tức ngày 08/11/2022 Dương lịch) bà (Hoàng Thị H) cho bà Đặng Thị T vay số tiền là 57.600.000đ (Năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), lãi suất 2%/tháng. Thời hạn trả nợ là cuối năm 2022 Âm lịch.

Đến giữa tháng 4/2025 (Do không ghi ngày trả nợ nên bà không nhớ cụ thể chính xác ngày bà T trả nợ, mà chỉ nhớ là trả vào giữa tháng 4) bà T trả cho bà được 23.000.000đ tiền lãi suất, còn số nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh tiếp theo thì cho đến nay bà T vẫn chưa trả cho bà.

Khi vay tiền thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, khi làm đơn khởi kiện bà tính lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng. Số tiền mà bà T nợ bà tính đến ngày làm đơn khởi kiện là 92.490.000đ (Chín mươi hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng), trong đó, nợ gốc là 57.600.000đ, nợ lãi là 35.340.000đ. Do bà T đã trả được 23.000.000đ tiền lãi suất, nên bà khởi kiện yêu cầu bà T tiếp tục trả số tiền là 69.490.000đ (Sáu mươi chín triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 57.600.000đ, nợ

lãi tính đến ngày khởi kiện là 11.890.000đ. Tiếp tục tính lãi suất 1,66%/tháng đối với số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

Tính đến ngày xét xử bà T còn nợ bà số tiền là 75.210.000đ (Bảy mươi lăm triệu hai trăm mười ngàn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 57.600.000đ, nợ lãi là 17.610.000đ. Bà yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả số tiền nợ trên và tiếp tục phải chịu lãi suất 1,66%/tháng đối với số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án hợp lệ nhiều lần.***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắc Lắc tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía bị đơn thực hiện không đúng quy định của pháp luật quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 463, 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đặng Thị T phải trả cho bà Hoàng Thị H 75.210.000đ (Bảy mươi lăm triệu hai trăm mười ngàn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 57.600.000đ, nợ lãi là 17.610.000đ.

Bà Đặng Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất 1,66%/tháng đối với số nợ gốc, kể từ ngày 06/5/2026 cho đến khi trả xong nợ.

- Về án phí: Áp dụng Điều 26 quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết 326/UBTVQH14. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Đặng Thị T phải chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Bà Hoàng Thị H cho rằng đã cho bà Đặng Thị T vay tiền, nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên bà H đã khởi kiện bà T tại Tòa án. Vì vậy. HĐXX xác định quan hệ pháp luật là “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 10 – Đắc Lắc theo quy định tại Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa bị đơn là bà Đặng Thị T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Bà Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị T trả số tiền nợ tính đến ngày làm đơn khởi kiện (Ngày 19/11/2025) là 69.490.000đ (Sáu mươi chín triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 57.600.000đ, nợ lãi tính đến ngày khởi kiện là 11.890.000đ (Tính theo mức lãi 1,66%/tháng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi 1,66%/tháng đối với số nợ gốc, kể từ ngày xét xử cho đến khi trả xong nợ, HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Đặng Thị T đến Tòa án để trình bày ý kiến về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như Thông báo kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn. Trong các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Có căn cứ để xác định bị đơn nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và biết được nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên các bị đơn không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Nguyên đơn xác định đến thời điểm khởi kiện bị đơn còn nợ số tiền gốc là 57.600.000đ. Theo trình bày của nguyên đơn thì giữa tháng 4/2025, bị đơn trả số tiền 23.000.000đ tiền lãi suất. Nguyên đơn xác định lãi suất được tính là 1,66%/tháng, HĐXX xét thấy mức lãi suất mà nguyên đơn xác định là phù hợp quy định của pháp luật. Tính đến tháng 4/2025 số tiền lãi phát sinh là $57.600.000đ \times 1,66\%/tháng \times 29$ tháng (tính tròn tháng) = 27.728.640đ.

Do khoản tiền mà bị đơn đã trả ít hơn tiền lãi phát sinh và được trừ vào nợ lãi, nên việc nguyên đơn yêu cầu trả tiền nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu trả lãi suất: Tính đến ngày xét xử số tiền lãi phát sinh là $57.600.000đ \times 1,66\% \times 41$ tháng 27 ngày (Từ ngày 08/11/2022 đến ngày 05/5/2026 = 40.610.000đ (tính tròn số)). Bị đơn đã trả được 23.000.000đ, nên số tiền lãi còn lại là $40.610.000đ - 23.000.000đ = 17.610.000đ$. HĐXX xác định yêu cầu tính lãi suất và mức tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày xét xử bà Đặng Thị T còn nợ bà Hoàng Thị H tổng số tiền là $57.600.000đ + 17.610.000đ = 75.210.000đ$.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi suất 1,66%/tháng đối với số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ: HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 75.210.000đ, bao gồm: Nợ gốc là 57.600.000đ, nợ lãi là 17.610.000đ.

[5]. Về án phí:

Bà Đặng Thị T là người có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các

Điều Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H:

Buộc bà Đặng Thị T phải trả cho bà Hoàng Thị H 75.210.000đ (Bảy mươi lăm triệu hai trăm mười ngàn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 57.600.000đ, nợ lãi là 17.610.000đ.

Bà Đặng Thị T tiếp tục phải chịu lãi suất 1,66%/tháng đối với số nợ gốc, kể từ ngày 06/5/2026 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị T phải nộp 3.760.000đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Hoàng Thị H số tiền 1.737.000đ (Một triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0004849 ngày 25/11/2025.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN